

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2020/DS-ST

Ngày: 20-10-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Văn Sơn

2/ Ông Phạm Thạch Út

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2020/TLST- DS ngày 28 tháng 05 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2020/QĐXXST-DS ngày 8 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Ngọc A, sinh năm: 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 143/3B, Khóm Đông A, phường Đông X, Thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện C, An Giang.

Bà Lâm Thị Tố N, sinh năm: 1978 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Phú A, xã B, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 19/5/2020 và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trương Ngọc A trình bày:

Vào ngày 14 tháng 01 năm 2017 ông Nguyễn Thành T và bà Lâm Thị Tố N có vay tiền của ông với số tiền 680.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay tiền. Mục đích vay tiền là ông T, bà N vay đáo hạn ngân hàng, mức lãi suất thỏa thuận là 0.5%/7 ngày, thời hạn vay là 3 ngày. Ông đã giao tiền cho ông T, bà N và làm biên nhận giao tiền. Sau khi vay nợ thì ông biết được vợ chồng ông T, bà N không phải đáo nợ Ngân hàng mà dùng vào việc hoàn trả nợ vay cho người khác, ông yêu cầu hoàn trả lại số tiền vay thì vợ chồng ông T hứa hẹn nhiều lần cho đến nay nhưng không thực hiện, nhiều lần ông liên hệ nhưng ông T, bà N tránh né và cắt luôn điện thoại. Nay ông Trương Ngọc A yêu cầu ông Nguyễn Thành T, bà Lâm Thị Tố N phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn là 680.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay 14/01/2017 cho đến ngày xét xử.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T và bà Lâm Thị Tố N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông T, bà N vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của ông T, bà N tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì ông T vẫn ở Ấp P, xã B huyện C, An Giang; bà N hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở Ấp P, xã B, huyện C, An Giang, nhưng ông T, bà N vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai lại được. Tại công văn số 1740/XNC ngày 20/8/2020 thể hiện nội dung “Qua tra cứu, kiểm tra thông tin trên hệ thống quản lý xuất nhập cảnh tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh An Giang, không có thông tin cấp hộ chiếu của 2 đương sự nêu trên”

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thành T và bà Lâm Thị Tố N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng Ông Nguyễn Thành T và bà Lâm Thị Tố N vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến

hành xét xử vắng mặt Ông Nguyễn Thành T và bà Lâm Thị Tố N theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Mối quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa ông Trương Ngọc A và ông Nguyễn Thành T và bà Lâm Thị Tố N trên thực tế là có xảy ra trên cơ sở tờ hợp đồng vay tài sản và biên nhận giao tiền cùng ngày 14/01/2017 với số tiền 680.000.000 đồng. Trong quá trình vay nợ ông T, bà N không đóng lãi và không trả vốn và lãi theo thỏa thuận. Tại phiên tòa hôm nay ông Ấn yêu cầu ông T, bà N phải trả một lần số tiền còn thiếu là 680.000.000 đồng. Còn ông Nguyễn Thành T và bà Lâm Thị Tố N trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm thì ông T, bà N không đến tòa tham gia hòa giải và cũng như không cung cấp chứng cứ cũng như văn bản để có ý kiến về việc khởi kiện của ông Ấn. Do đó ông T, bà N phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ chứng minh của mình. Xét thấy, trong mối quan hệ vay tài sản ông Nguyễn Thành T và bà Lâm Thị Tố N là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là nộp lãi đúng định kỳ và trả vốn khi đến hạn. Việc vi phạm này đã ít nhiều cũng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông A. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông A buộc ông T, bà N phải có nghĩa vụ trả số tiền 680.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

- Về lãi suất: Do ông T, bà N vi phạm nghĩa vụ nên ông A yêu cầu ông T, bà N phải trả lãi suất khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ là hoàn toàn chính đáng. Do hai bên không thỏa thuận lãi suất nên tính lãi suất cơ bản là 0.83%/tháng.

- Thời gian tính lãi từ ngày 14/01/2017 đến ngày 20/10/2020 là 45 tháng ngày

+ Vốn 680.000.000đ x lãi 0.83%/tháng x 45 tháng = 253.980.000đồng

+ Vốn 680.000.000đ + lãi 253.980.000 đồng = 933.980.000 đồng.

Như vậy, nghĩ nên xác lập mối quan hệ tranh chấp trên buộc ông T, bà N phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Ấn một lần số tiền 933.980.000 đồng (Chín trăm ba mươi ba triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng) là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Ông Trương Ngọc A được nhận lại 15.600.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006933 ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

+ Ông Nguyễn Thành T và bà Lâm Thị Tố N phải chịu 40.019.400đ (Bốn mươi triệu không trăm mười chín ngàn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 235, 244, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Ngọc A.

2. Buộc ông Nguyễn Thành T và bà Lâm Thị Tố N phải có nghĩa vụ trả cho ông Trương Ngọc A số tiền vốn + lãi tổng cộng là 933.980.000 đồng (Chín trăm ba mươi ba triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trương Ngọc A được nhận lại 15.600.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006933 ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

+ Ông Nguyễn Thành T và bà Lâm Thị Tố N phải chịu 40.019.400đ (Bốn mươi triệu không trăm mười chín ngàn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: Ông Trương Ngọc A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/10/2020). Ông Nguyễn Thành T, bà Lâm Thị Tố N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung

